

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

Số: 251/2019/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP Kon Tum, ngày 24 tháng 9 năm 2019.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 409/2019/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2019, giữa: Nguyên đơn chị Đặng Thị Kim C với bị đơn anh Đỗ Anh K. Địa chỉ: Cùng ở tổ N, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Đặng Thị Kim C với bị đơn anh Đỗ Anh K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Kim C với anh Đỗ Anh K thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Đặng Đăng K1, sinh ngày 20/11/2005 và cháu Đỗ Đặng Trung K2, sinh ngày 29/3/2009 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đỗ Đặng Anh T, sinh ngày 07/9/2011. Anh K phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu K1 hàng tháng, mỗi tháng là 800.000đ kể từ ngày 01/9/2019.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

- Về tài sản, nợ nần: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên

không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án.

Án phí Thuận tình ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) các đương sự phải chịu, chị Đặng Thị Kim C nhận chịu; Án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quyết định của Tòa án là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) anh K phải chịu, chị C nhận chịu. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị C phải chịu là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Đặng Thị Kim C đã nộp theo biên lai số: 0001806, ngày 13/8/2019 của chi cục thi hành án dân sự Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Chị Đặng Thị Kim C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố K;
- UBND phường T;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Vũ Thị Hồng Dung